

Phụ lục 3
TÌNH HÌNH KHÁM CHỮA BỆNH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	TTYT		BV		Tổng cộng		Ước thực hiện		So sánh 9 tháng 2025 với cùng kỳ năm 2024 (%)
			8 tháng năm 2025	8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2025	8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2025	8 tháng năm 2024	9 tháng năm 2025	9 tháng năm 2024	
1	Tổng số khám bệnh (chỉ tính TTYT)	Lượt	1.302.901	1.175.092	1.336.153	1.275.472	2.639.054	2.450.564	2.968.936	2.756.885	107,7
	Trong đó: Có thể BHYT	"	1.167.468	1.059.379	959.942	881.935	2.127.410	1.941.314	2.393.336	2.183.978	109,6
	YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	100.006	99.675	49.527	48.443	149.533	148.118	168.225	166.633	101,0
	Trẻ ≤ 15 tuổi	"	169.170	165.369	201.884	189.090	371.054	354.459	417.436	398.766	104,7
	Người ≥ 60 tuổi	Lượt	435.494	365.928	416.100	341.287	851.594	707.215	958.043	795.617	120,4
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến		89.633	85.394	28.500	29.266	118.133	114.660	132.900	128.993	103,0
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		2.147	1.887	21.578	22.252	23.725	24.139	26.691	27.156	98,3
	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	85.766	83.407	6.822	6.889	92.588	90.296	104.161	101.583	102,5
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	136.126	128.852	203.258	185.140	339.384	313.992	381.807	353.241	108,1
	Trong đó: Có thể BHYT	"	130.386	122.099	184.716	171.485	315.102	293.584	354.490	330.282	107,3
	YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	8.515	8.277	18.726	16.963	27.241	25.240	30.646	28.395	107,9
	Trẻ ≤ 15 tuổi	"	35.780	31.843	41.118	37.497	76.898	69.340	86.510	78.008	110,9
	Người ≥ 60 tuổi	"	39.463	37.618	106.785	82.291	146.248	119.909	164.529	134.898	122,0
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	10.070	10.505	6.511	6.470	16.581	16.975	18.654	19.097	97,7
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		641	667	3.197	3.417	3.838	4.084	4.318	4.595	94,0
	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	9.423	9.766	2.491	2.648	11.914	12.414	13.403	13.966	96,0
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	716.048	705.671	1.192.105	1.123.664	1.908.153	1.829.335	2.146.672	2.058.001	104,3
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	130.234	124.765	195.001	181.987	325.235	306.752	365.889	345.096	106,0
	Số điều trị khỏi	"	52.762	52.693	72.621	71.962	125.383	124.655	141.055	140.237	100,6
	Số điều trị đỡ / giảm	"	67.834	61.610	110.254	95.051	178.088	156.661	200.349	176.244	113,7
	Số điều trị không thay đổi	"	5.749	5.116	11.303	10.416	17.052	15.532	19.184	17.474	109,8
	Số điều trị bị nặng hơn	"	4.620	5.146	2.892	3.140	7.512	8.286	8.451	9.322	90,7
	Số tử vong	"	117	114	163	171	280	285	315	321	98,2
	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	59	49	61	67	120	116	135	131	103,4
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	691.084	579.782	856.542	787.936	1.547.626	1.367.718	1.741.079	1.538.683	113,2
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	10.791	8.371	32.167	16.290	42.958	24.661	48.328	27.744	174,2
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	5.236.083	4.654.800	5.835.520	5.134.671	11.071.603	9.789.471	12.455.553	11.013.155	113,1
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	66.883	48.951	213.187	348.640	280.070	397.591	315.079	447.290	70,4
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	1.246.786	1.118.866	4.412.185	3.012.117	5.658.971	4.130.983	6.366.342	4.647.356	137,0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	375.041	392.518	2.386.054	1.390.132	2.761.095	1.782.650	3.106.232	2.005.481	154,9
10	Tổng số chiếu, chụp Xquang	Lượt	209.568	188.469	279.188	261.168	488.756	449.637	549.851	505.842	108,7
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	35.131	35.236	94.802	85.233	129.933	120.469	146.175	135.528	107,9
11	Tổng số chụp MRI/ CTScanner	Lượt	4.927	3.659	68.789	67.609	73.716	71.268	82.931	80.177	103,4
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	2.577	2.141	43.468	36.652	46.045	38.793	51.801	43.642	118,7
12	Tổng số siêu âm	Lượt	200.292	194.845	406.235	396.516	606.527	591.361	682.343	665.281	102,6
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	46.872	49.679	132.544	120.816	179.416	170.495	201.843	191.807	105,2
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	74.732	84.751	125.222	123.773	199.954	208.524	224.948	234.590	95,9
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	30.191	31.133	56.284	53.851	86.475	84.984	97.284	95.607	101,8

Thư ký